

Bản án số: 103/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 30/9/2024
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa và bà Trần Thị Hải
- **Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước** tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2024/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXX - ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh **Đàm Quang T**, sinh năm: 1990
Nơi thường trú: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ liên lạc: Số 25, đường GS1, khu phố Tây B, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương
- *Bị đơn:* chị **Lê Thị Vân A**, sinh năm 1997
Nơi thường trú: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.
(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2022 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Đàm Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Vân A tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 33, cấp ngày 07/5/2014. Quá trình

chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, càng ngày mâu thuẫn càng lớn càng khó hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể sống hòa thuận hạnh phúc được nữa, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Lê Thị Vân A.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Vân A có 01 người con chung, họ tên là Đàm Thị Thảo N, sinh ngày 26/11/2014. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu N cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đàm Thị Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N thành niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Vân A: Vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Tại phiên toà nguyên đơn anh T trình bày: Chị Lê Thị Vân A trước đây đăng ký thường trú tại xã M, sau này chuyển khẩu đến tại Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị A chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2016 thì sống ly thân liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh yêu cầu giải quyết ly hôn với chị A. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N thành niên.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của anh Đàm Quang T yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Vân A có địa chỉ nơi thường trú tại Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Anh T và chị A chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn chị Lê Thị Vân A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng báo, đài trung ương theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T yêu cầu ly hôn với chị A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh T và chị A tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo trích lục kết hôn số 520/TLKH-BS, ngày 08/9/2022 của UBND xã Minh Hưng xác định anh T và chị A đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 07/5/2014 theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Tại phiên tòa anh T trình bày anh và chị A đã sống ly thân **liên tục từ năm 2016 cho** đến nay, mạnh ai nấy sống không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, anh T và chị A đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau, cụ thể: không còn sự thương yêu, chung sống hoà hợp với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị A lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay anh T yêu cầu ly hôn với chị A, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị A có 01 người con chung, họ tên là Đàm Thị Thảo N, sinh ngày 26/11/2014. Tại phiên tòa anh T trình bày hiện nay cháu N đang ở với mẹ cháu là chị A thì anh đề nghị giao cháu N cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh không biết địa chỉ cụ thể nơi ở của chị A là đang ở đâu nên không cung cấp địa chỉ của chị A và cháu N cho Tòa án được. Xét thấy, hiện nay cháu N đang ở với chị A, để đảm bảo sự ổn định cho cháu nên cần giao cháu N cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đàm Thị Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N thành niên đủ 18 tuổi. Xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, vì vậy buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N thành niên đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (30/9/2024).

[5] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “...*lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do đương sự có yêu cầu thông báo chịu.*”. Do đó, anh T phải chịu chi phí này, anh T đã nộp xong trong quá trình giải quyết vụ án.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đàm Quang T. Anh Đàm Quang T được ly hôn với chị Lê Thị Vân A.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, ngày 07/5/2014 không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Thị Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 cho chị Lê Thị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đàm Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đàm Thị Thảo N, sinh ngày 26/11/2014 số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N thành niên đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (30/9/2024).

4. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “...lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do đương sự có yêu cầu thông báo chịu.”. Do đó, anh T phải chịu chi phí này, anh T đã nộp xong trong quá trình giải quyết vụ án.

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Đàm Quang T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000696 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà

